

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bà Nguyễn Thị Lý

quân Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Minh:** Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 151/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: Lầu 8, Số 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; (văn bản ủy quyền số 2352/2019/UQ-TTT ngày 20/02/2020). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2/ *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 163/9/6 đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 25/4/2011 ông Nguyễn Đức H có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng TMCP S. Theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho ông H thẻ tín dụng số 472074 - 8092, hạn

mức tín dụng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 35.169.000 (ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi chín ngàn) đồng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.050.000 (bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng thì ngưng không thanh toán nữa, qua nhiều lần làm việc ông vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/04/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20/8/2020, ông H còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 11.604.679 (mười một triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 1.284.134 (một triệu hai trăm tám mươi tư ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn 10.320.545 (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi lăm) đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức H thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/8/2020 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

*Bị đơn ông Nguyễn Đức H* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Toà ghi tự khai nhưng hết thời hạn 15 ngày bị đơn không có ý kiến bằng văn bản và cũng không gửi cho Toà án các tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời, Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập tham gia phiên họp nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Theo kết quả xác minh tại Ban chỉ huy Công an Phường 07, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1973 có hộ khẩu thường trú tại số 163/9/6 đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang cư ngụ tại địa chỉ trên.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Ông H vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Đức H cư trú tại quận G. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về người tham gia tố tụng:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ của thẻ tín dụng số 472074 - 8092 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; tổng số tiền nợ là 11.604.679 (mười một triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 1.284.134 (một triệu hai trăm tám mươi tư ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn 10.320.545 (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi lăm) đồng. Đồng thời, yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 21/8/2020 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Xét yêu cầu đòi nợ gốc:

- Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/3/2011;
- Căn cứ vào điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S;
- Căn cứ vào bảng tóm tắt sao kê quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 472074 - 8092;

- Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã có cơ sở để khẳng định Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/3/2011 do bị đơn ông Nguyễn Đức H ký với Ngân hàng TMCP S. Sau khi được cấp thẻ bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 35.169.000 (ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi chín ngàn) đồng, thanh toán được 47.050.000 (bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng thì ngưng không thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Hiện bị đơn còn nợ số tiền gốc là 1.284.134 (một triệu hai trăm tám mươi tư ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng. Về phía bị đơn trong suốt

quá trình Toà án thu thập chứng cứ, bị đơn vắng mặt, không có ý kiến hoặc yêu cầu phản tố.

Xét thấy, việc các bên ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như thoả thuận giữa các bên. Căn cứ các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ nêu trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

## 2.2 Đối với yêu cầu đòi tiền lãi:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi quá hạn của thẻ tín dụng số 472074 - 8092 tính đến ngày 20/8/2020 là 10.320.545 (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi lăm) đồng và yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 21/8/2020 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo lãi suất được các bên thoả thuận tại hợp đồng các bên đã ký. Căn cứ vào điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và thoả thuận của hai bên nên có cơ sở để chấp nhận.

## 2.3 Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào thoả thuận của các bên thì khoản nợ của bị đơn đã quá thời hạn thanh toán nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là:  $11.604.679 \times 5\% = 580.234$  (Năm trăm tám mươi ngàn hai trăm ba mươi bốn) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## Vì các lẽ trên;

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

## Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 11.604.679 (mười một triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 1.284.134 (một triệu hai trăm tám mươi tư ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn 10.320.545 (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi lăm) đồng ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí là 580.234 (năm trăm tám mươi ngàn hai trăm ba mươi bốn) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu số AA/2019/0025804 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Đức H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Trần Thúy Duyên**